

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 2 HỌC KỲ 2 (182HN L2)
NĂM HỌC 2018-2019

(Dữ liệu cập nhật ngày 25/07/2019)

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
1	4010701	Giáo dục thể chất 1	2.0_4010701_1	001_2.0_4010701_	0107-12	Chu Thị Hồng Hạnh	36	29-07-2019	1	2	SANTDB2	GDTC
2	4010703	Giáo dục thể chất 3	2.0_4010703_1	001_2.0_4010703_	0107-02	Chu Thị Hồng Hạnh	45	29-07-2019	1	2	SANTDB5	GDTC
3	4010703	Giáo dục thể chất 3	2.0_4010703_2	001_2.0_4010703_	0107-02	Nguyễn Quang Huy	45	29-07-2019	1	2	SANTDB4	GDTC
4	4010703	Giáo dục thể chất 3	2.0_4010703_3	001_2.0_4010703_	0107-02	Chu Thị Hồng Hạnh	45	29-07-2019	1	2	SANTDB3	GDTC
5	4010703	Giáo dục thể chất 3	2.0_4010703_4	001_2.0_4010703_	0107-02	Chu Thị Hồng Hạnh	45	29-07-2019	1	2	SANTDB1	GDTC
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	2.0_4010702_1	001_2.0_4010702_	0107-12	Chu Thị Hồng Hạnh	8	29-07-2019	3	2	SANTDB3	GDTC
7	4010703	Giáo dục thể chất 3	2.0_4010703_5	001_2.0_4010703_	0107-14	Lý Kế Cường	35	29-07-2019	3	2	SANTDB5	GDTC
8	4010705	Giáo dục thể chất 5	2.0_4010705_1	001_2.0_4010705_	0107-04	Chu Thị Hồng Hạnh	29	29-07-2019	3	2	SANTDA3	GDTC
9	7010702	Giáo dục thể chất 2	2.0_7010702_3	001_2.0_7010702_	0107-04	Lê Văn Nam	45	29-07-2019	3	2	SANTDB4	GDTC
10	7010702	Giáo dục thể chất 2	2.0_7010702_4	001_2.0_7010702_	0107-08	Lê Viết Tuấn	45	29-07-2019	3	2	SANTDB2	GDTC
11	7010702	Giáo dục thể chất 2	2.0_7010702_5	001_2.0_7010702_	0107-04	Lê Văn Nam	45	29-07-2019	3	2	SANTDB1	GDTC
12	4010704	Giáo dục thể chất 4	2.0_4010704_1	001_2.0_4010704_	0107-04	Lê Văn Nam	24	29-07-2019	9	2	SANTDA3	GDTC
13	7010702	Giáo dục thể chất 2	2.0_7010702_1	001_2.0_7010702_	0107-08	Lê Viết Tuấn	45	29-07-2019	9	2	SANTDB5	GDTC
14	7010702	Giáo dục thể chất 2	2.0_7010702_2	001_2.0_7010702_	0107-04	Lê Văn Nam	45	29-07-2019	9	2	SANTDB3	GDTC
15	4040504	Nền và móng	DCXDHT61_02	001_DCXDHT61_	0405-20	Dương Bình	12	29-07-2019	2	2	HNAA203	CKT
16	4040506	Địa chất động lực công trình	DCDCCT60_1_0	001_DCDCCT60_	0405-05	Tô Xuân Vu	24	29-07-2019	2	2	HNAA305	CKT
17	4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và	_____01	001_____01	0703-07	Lê Minh Thống	13	29-07-2019	2	2	HNAB205	CKT
18	4070404	Kế toán tài chính 2	DCKTKT_61D_0	001_DCKTKT_61	0704-03	Nguyễn Thị Bích	13	29-07-2019	2	2	HNAB504	CKT
19	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	DCCTKH61B_01	001_DCCTKH61B	0801-04	Phạm Văn Đồng	10	29-07-2019	2	2	HNAA304	CKT
20	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối	DCCTPM62A_07	001_DCCTPM62A	0802-09	Vũ Lan Phương	24	29-07-2019	2	2	HNAB305	CKT
21	4080611	Chuyên đề - thực hành 1	DCCTKT60_1_0	001_DCCTKT60_	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	11	29-07-2019	2	2	HNAA205	CKT
22	4090102	Máy điện 2 + TN	DCCDHT61A_01	001_DCCDHT61A	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến	14	29-07-2019	2	2	HNAA308	CKT
23	4090102	Máy điện 2 + TN	DCCDHT61B_02	001_DCCDHT61B	0901-17	Lê Văn Tuấn	16	29-07-2019	2	2	HNAA405	CKT
24	4090133	Ngăn mạch trong hệ thống điện	DCCDDK61_01	001_DCCDDK61_	0901-05	Phạm Trung Sơn	15	29-07-2019	2	2	HNAA303	CKT
25	4090408	Kỹ thuật gia công cơ khí 1	DCCDTK61_01	001_DCCDTK61_	0904-17	Trần Đức Huân	12	29-07-2019	2	2	HNAD303	CKT
26	4090417	Kỹ thuật thủy khí B + TN	DCCDMT61_01	001_DCCDMT61_	0904-06	Nguyễn Văn Tuệ	20	29-07-2019	2	2	HNAB501	CKT
27	4090441	Động lực học và ổn định truyền	DCCDTK60_2_0	001_DCCDTK60_	0904-03	Nguyễn Văn Lại	14	29-07-2019	2	2	HNAB505	CKT
28	4090454	Thiết kế dụng cụ cắt kim loại	DCCDTM61A_0	001_DCCDTM61A	0000-05	Trần Thế Văn	11	29-07-2019	2	2	HNAA409	CKT

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
29	4030408	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật	DCMOTK60_01	001_DCMOTK60_	0304-08	Vũ Thị Chinh	13	29-07-2019	4	2	HNAB504	CKT
30	4040520	Địa chất công trình chuyên môn	DCDCTV60_1_0	001_DCDCTV60_	0405-05	Tô Xuân Vu	23	29-07-2019	4	2	HNAA405	CKT
31	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối	2.1_4080208_080	001_2.1_4080208_	0802-04	Tạ Quang Chiêu	31	29-07-2019	4	2	HNAA305	CKT
32	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối	DCCTKT60_1_0	001_DCCTKT60_	0804-12	Trương Xuân Bình	21	29-07-2019	4	2	HNAA308	CKT
33	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối	DCCTMM62A_0	001_DCCTMM62	0802-14	Đặng Quốc Trung	24	29-07-2019	4	2	HNAB501	CKT
34	4080706	Mạng máy tính + BTL	DCCTKT61_01	001_DCCTKT61_	0802-11	Trần Thị Thu Thúy	10	29-07-2019	4	2	HNAD303	CKT
35	4090148	Bảo vệ Role trong hệ thống điện	DCCDHT60_01	001_DCCDHT60_	0901-10	Hồ Việt Bun	26	29-07-2019	4	2	HNAB305	CKT
36	4090153	Khí cụ điện	DCCDHT61B_02	001_DCCDHT61B	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn	10	29-07-2019	4	2	HNAA203	CKT
37	4090245	Lý thuyết điều khiển tự động	2.1_4090245_090	001_2.1_4090245_	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan	44	29-07-2019	4	2	HNAA208	CKT
38	4090245	Lý thuyết điều khiển tự động	DCCDTM61A_0	001_DCCDTM61A	0902-09	Phạm Minh Hải	22	29-07-2019	4	2	HNAA303	CKT
39	4090436	Truyền động - tự động khí nén	DCCDTK60_2_0	001_DCCDTK60_	0904-12	Bùi Minh Hoàng	13	29-07-2019	4	2	HNAB205	CKT
40	4100169	Thiết kế hầm và công trình ngầm	DCXDHT60_01	001_DCXDHT60_	0303-11	Trần Tuấn Minh	15	29-07-2019	4	2	HNAB505	CKT
41	4040304	Thạch học I + TN	DCDCDC_62_01	001_DCDCDC_62	0403-01	Phạm Thị Vân Anh	17	29-07-2019	7	2	HNAB505	CKT
42	4040507	Vật liệu xây dựng +TN	DCDCTV60_1_0	001_DCDCTV60_	0405-09	Phạm Minh Tuấn	12	29-07-2019	7	2	HNAA409	CKT
43	4070404	Kế toán tài chính 2	2.1_4070404_070	001_2.1_4070404_	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng	30	29-07-2019	7	2	HNAB501	CKT
44	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2.1_4080114_080	001_2.1_4080114_	0801-10	Nguyễn Thị Hữu	35	29-07-2019	7	2	HNAA305	CKT
45	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	DCCTMM62A_0	001_DCCTMM62	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	12	29-07-2019	7	2	HNAA203	CKT
46	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối	DCCTMM62B_0	001_DCCTMM62	0802-02	Đặng Hữu Nghị	16	29-07-2019	7	2	HNAB504	CKT
47	4080211	Phương pháp tính ứng dụng	_____01	001_____01	0802-10	Vương Như Quỳnh	13	29-07-2019	7	2	HNAD303	CKT
48	4080605	Thuật toán hoá các bài toán kinh	DCCTKT61_01	001_DCCTKT61_	0806-01	Lê Thanh Huệ	31	29-07-2019	7	2	HNAB305	CKT
49	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	DCCTMM60_2_	001_DCCTMM60_	0801-09	Diêm Công Hoàng	17	29-07-2019	7	2	HNAA308	CKT
50	4090149	Quy hoạch và phát triển hệ thống	DCCDHT60_01	001_DCCDHT60_	0901-10	Hồ Việt Bun	21	29-07-2019	7	2	HNAA303	CKT
51	4090160	Hệ thống cung cấp điện	2.1_4090160_090	001_2.1_4090160_	0901-04	Lê Xuân Thành	49	29-07-2019	7	2	HNAA208	CKT
52	4090160	Hệ thống cung cấp điện	2.1_4090160_090	001_2.1_4090160_	0901-07	Bùi Đình Thanh	28	29-07-2019	7	2	HNAA405	CKT
53	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	2.1_4090404_090	001_2.1_4090404_	0904-12	Bùi Minh Hoàng	48	29-07-2019	7	2	HNAB506	CKT
54	4100305	Thiết kế công trình thủy	DCXDHT60_01	001_DCXDHT60_	1003-05	Bùi Anh Thắng	14	29-07-2019	7	2	HNAB205	CKT
55	4080153	Thiết kế Website	_____01	001_____01	0803-02	Trần Trung Chuyên	13	29-07-2019	9	2	HNAA405	CKT
56	4080708	Cơ sở truyền tin và truyền số liệu	_____01	001_____01	0802-11	Trần Thị Thu Thúy	25	29-07-2019	9	2	HNAB305	CKT
57	4090103	Khí cụ điện	2.1_4090103_090	001_2.1_4090103_	0901-05	Phạm Trung Sơn	34	29-07-2019	9	2	HNAA305	CKT
58	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	_____01	001_____01	0901-08	Đỗ Như ý	14	29-07-2019	9	2	HNAB501	CKT
59	4080704	Phương pháp tính Ứng dụng chuyên	_____01	001_____01	0802-10	Vương Như Quỳnh	16	30-07-2019	7	2	HNAB305	CKT
60	4090137	Cơ khí đường dây	2.1_4090137_090	001_2.1_4090137_	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa	35	30-07-2019	7	2	HNAA305	CKT
61	4090462	Tiếng Anh chuyên ngành công	_____01	001_____01	0904-17	Trần Đức Huân	16	30-07-2019	7	2	HNAB501	CKT
62	4010109	Logic đại cương	2.2_4010109_1	001_2.2_4010109_	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn	23	29-07-2019	4	2	HNAA409	
63	4040403	Các mỏ khoáng không kim loại	2.2_4040403_1	001_2.2_4040403_	0404-05	Lê Thị Thu	1	29-07-2019	7	2	HNAD302	*

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
64	4060310	Kỹ thuật đo và điều khiển quá	2.2_4060310_1	001_2.2_4060310_	0603-07	Phạm Trung Kiên	32	29-07-2019	7	2	HNAA205	
65	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá	2.2_4090212_1	001_2.2_4090212_	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	9	29-07-2019	7	2	HNAD302	
66	4090255	Truyền động điện	2.2_4090255_1	001_2.2_4090255_	0902-03	Khổng Cao Phong	31	29-07-2019	7	2	HNAA304	
67	4050526	Trắc địa đại cương	2.2_4050526_1	001_2.2_4050526_	0505-07	Lê Văn Cảnh	10	29-07-2019	9	2	HNAA308	
68	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá	2.2_4090211_1	001_2.2_4090211_	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	16	29-07-2019	9	2	HNAA303	
69	4000002	Tâm lý học đại cương	2.2_4000002_1	001_2.2_4000002_	0201-13	Ngô Văn Hường	7	30-07-2019	2	2	HNAA407	
70	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	2.2_4010307_1	001_2.2_4010307_	0103-11	Võ Thị Hạnh	33	30-07-2019	2	2	HNAB305	
71	4010603	Tiếng Anh 3	2.2_4010603_1	001_2.2_4010603_	0106-23	Đặng Thanh Mai	3	30-07-2019	2	2	HNAB502	**
72	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng	2.2_4020301_1	001_2.2_4020301_	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	40	30-07-2019	2	2	HNAA205	
73	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng	2.2_4020301_1	002_2.2_4020301_	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	40	30-07-2019	2	2	HNAB201	
74	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng	2.2_4020301_1	003_2.2_4020301_	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	100	30-07-2019	2	2	HNAD101	
75	4030101	Phá vỡ đất đá bằng phương pháp	2.2_4030101_1	001_2.2_4030101_	0301-07	Phạm Văn Hòa	5	30-07-2019	2	2	HNAD202	
76	4030109	Kỹ thuật môi trường mô lộ thiên	2.2_4030109_1	001_2.2_4030109_	0301-10	Vũ Đình Hiếu	2	30-07-2019	2	2	HNAD202	*
77	4030202	Công nghệ khai thác than hầm lò	2.2_4030202_1	001_2.2_4030202_	0302-16	Lê Tiến Dũng	3	30-07-2019	2	2	HNAD202	*
78	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	2.2_4030502_1	001_2.2_4030502_	0305-05	Nguyễn Như Hùng	40	30-07-2019	2	2	HNAA305	
79	4030511	Cơ học kết cấu và lý thuyết đàn	2.2_4030511_1	001_2.2_4030511_	0305-07	Đỗ Ngọc Tú	6	30-07-2019	2	2	HNAD204	
80	4040207	Địa chất mỏ	2.2_4040207_1	001_2.2_4040207_	0402-11	Bùi Thanh Tịnh	5	30-07-2019	2	2	HNAA402	
81	4040218	Luật khoáng sản và luật môi	2.2_4040218_1	001_2.2_4040218_	0402-07	Phan Viết Sơn	2	30-07-2019	2	2	HNAB507	
82	4040305	Thạch học 2	2.2_4040305_1	001_2.2_4040305_	0403-03	Tô Xuân Bản	8	30-07-2019	2	2	HNAD302	
83	4050103	Trắc địa công trình thành phố	2.2_4050103_1	001_2.2_4050103_	0501-02	Đinh Thị Lệ Hà	3	30-07-2019	2	2	HNAB202	*
84	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2.2_4050206_1	001_2.2_4050206_	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm	6	30-07-2019	2	2	HNAB202	
85	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2.2_4050602_1	001_2.2_4050602_	0506-07	Nguyễn Thế Công	15	30-07-2019	2	2	HNAA308	
86	4050622	Đo đạc địa chính 2	2.2_4050622_1	001_2.2_4050622_	0506-12	Đinh Hải Nam	2	30-07-2019	2	2	HNAA307	*
87	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	2.2_4050701_1	001_2.2_4050701_	0507-07	Dương Anh Quân	3	30-07-2019	2	2	HNAA307	*
88	4060313	Các phương pháp phân tích dung	2.2_4060313_1	001_2.2_4060313_	0603-09	Phạm Xuân Núi	8	30-07-2019	2	2	HNAA307	
89	4060320	Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia	2.2_4060320_1	001_2.2_4060320_	0603-14	Ngô Hà Sơn	58	30-07-2019	2	2	HNAA207	
90	4060430	Nâng cao tỷ lệ mẫu khoan	2.2_4060430_1	001_2.2_4060430_	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	2	30-07-2019	2	2	HNAA307	*
91	4070406	Tài chính doanh nghiệp	2.2_4070406_1	001_2.2_4070406_	0704-05	Lưu Thị Thu Hà	46	30-07-2019	2	2	HNAD403	
92	4070410	Quản trị tài chính	2.2_4070410_1	001_2.2_4070410_	0704-05	Dương Thị Nhân	22	30-07-2019	2	2	HNAA303	
93	4070413	Lý thuyết tiền tệ	2.2_4070413_1	001_2.2_4070413_	0704-06	Dương Thị Nhân	11	30-07-2019	2	2	HNAD303	
94	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	2.2_4080101_1	001_2.2_4080101_	0801-10	Nguyễn Thế Bình	12	30-07-2019	2	2	HNAB505	
95	4080202	Tin học đại cương +TH (dùng cho	2.2_4080202_1	001_2.2_4080202_	0802-14	Đặng Quốc Trung	2	30-07-2019	2	2	HNAB206	*
96	4080304	Cơ sở xử lý ảnh số	2.2_4080304_1	001_2.2_4080304_	0803-07	Đinh Bảo Ngọc	6	30-07-2019	2	2	HNAB206	
97	4080631	Tiếng Anh chuyên ngành	2.2_4080631_1	001_2.2_4080631_	0806-06	Võ Thị Thu Trang	2	30-07-2019	2	2	HNAB206	*
98	4080707	Lập trình mạng	2.2_4080707_1	001_2.2_4080707_	0802-14	Đặng Quốc Trung	108	30-07-2019	2	2	HNAD401	

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
99	4090121	Máy điện	2.2_4090121_1	001_2.2_4090121_	0901-02	Lê Văn Tuấn	32	30-07-2019	2	2	HNAB501	
100	4090213	Điện tử công suất	2.2_4090213_1	001_2.2_4090213_	0902-08	Khổng Cao Phong	10	30-07-2019	2	2	HNAA304	
101	4090222	Điều khiển tự động hệ thống	2.2_4090222_1	001_2.2_4090222_	0902-12	Uông Quang Tuyền	67	30-07-2019	2	2	HNAD301	
102	4090308	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	2.2_4090308_1	001_2.2_4090308_	0903-08	Cung Quang Khang	5	30-07-2019	2	2	HNAD203	*
103	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	2.2_4090342_1	001_2.2_4090342_	0903-07	Đinh Văn Thắng	6	30-07-2019	2	2	HNAD203	
104	4090406	Cơ sở thiết kế máy	2.2_4090406_1	001_2.2_4090406_	0904-30	Phạm Tuấn	25	30-07-2019	2	2	HNAA405	
105	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	2.2_4090409_1	001_2.2_4090409_	0904-17	Trần Đức Huân	10	30-07-2019	2	2	HNAA409	
106	4090568	Công nghệ sửa chữa máy thủy khí	2.2_4090568_1	001_2.2_4090568_	0905-02	Đoàn Văn Giáp	2	30-07-2019	2	2	HNAD402	*
107	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	2.2_4090574_1	001_2.2_4090574_	0905-08	Phạm Văn Tiến	54	30-07-2019	2	2	HNAD402	
108	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2.2_4100208_1	001_2.2_4100208_	0303-08	Bùi Văn Đức	6	30-07-2019	2	2	HNAB503	
109	4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	2.2_4100221_1	001_2.2_4100221_	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh	3	30-07-2019	2	2	HNAB504	*
110	4100226	Giám sát thi công	2.2_4100226_1	001_2.2_4100226_	0303-26	Bùi Văn Đức	12	30-07-2019	2	2	HNAB504	
111	4110105	Quá trình chuyển khối trong công	2.2_4110105_1	001_2.2_4110105_	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	6	30-07-2019	2	2	HNAA408	
112	7010104	Giải tích 2	2.2_7010104_1	001_2.2_7010104_	0101-20	Lê Hương Giang	40	30-07-2019	2	2	HNAB205	
113	7010104	Giải tích 2	2.2_7010104_1	002_2.2_7010104_	0101-20	Lê Hương Giang	40	30-07-2019	2	2	HNAA203	
114	7010104	Giải tích 2	2.2_7010104_1	003_2.2_7010104_	0101-20	Lê Hương Giang	100	30-07-2019	2	2	HNAD201	
115	7010104	Giải tích 2	2.2_7010104_2	001_2.2_7010104_	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	59	30-07-2019	2	2	HNAB506	
116	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.2_7020201_2	001_2.2_7020201_	0202-01	Nguyễn Văn Sơn	60	30-07-2019	2	2	HNAA208	
117	7300102	Đường lối quân sự của Đảng	2.2_7300102_1	001_2.2_7300102_	3001	Chính trị	2	30-07-2019	2	2	HNAD203	*
118	4000003	Tiếng Việt thực hành	2.2_4000003_1	001_2.2_4000003_	0202-06	Lê Thị Yến	9	30-07-2019	4	2	HNAD203	
119	4010103	Giải tích 2	2.2_4010103_1	001_2.2_4010103_	0101-17	Nguyễn Thị Hiền	17	30-07-2019	4	2	HNAD303	
120	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.2_4020201_1	001_2.2_4020201_	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà	22	30-07-2019	4	2	HNAA303	
121	4030106	Khai thác bằng sức nước	2.2_4030106_1	001_2.2_4030106_	0301-15	Lê Quý Thảo	6	30-07-2019	4	2	HNAD202	
122	4030206	Thiết kế mỏ hầm lò + ĐA	2.2_4030206_1	001_2.2_4030206_	0302-05	Trần Văn Thanh	1	30-07-2019	4	2	HNAD202	*
123	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2.2_4030422_1	001_2.2_4030422_	0304-15	Trần Văn Đước	3	30-07-2019	4	2	HNAD202	*
124	4030504	Sức bền vật liệu B	2.2_4030504_1	001_2.2_4030504_	0305-04	Đinh Thị Thu Hà	25	30-07-2019	4	2	HNAA405	
125	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2.2_4040107_1	001_2.2_4040107_	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng	3	30-07-2019	4	2	HNAB501	*
126	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại	2.2_4040313_1	001_2.2_4040313_	0403-17	Lê Thị Ngọc Tú	3	30-07-2019	4	2	HNAB501	*
127	4040519	Địa chất công trình	2.2_4040519_1	001_2.2_4040519_	0405-19	Nguyễn Văn Hùng	27	30-07-2019	4	2	HNAB501	
128	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	2.2_4050106_1	001_2.2_4050106_	0501-14	Nguyễn Thị Kim	3	30-07-2019	4	2	HNAB501	*
129	4060117	Thăm dò địa chấn	2.2_4060117_1	001_2.2_4060117_	0601-11	Nguyễn Thanh Tùng	11	30-07-2019	4	2	HNAD302	
130	4060401	Nguyên lý phá hủy	2.2_4060401_1	001_2.2_4060401_	0604-17	Trương Văn Từ	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
131	4060409	Khoan định hướng	2.2_4060409_1	001_2.2_4060409_	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
132	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2.2_4060413_1	001_2.2_4060413_	0604-07	Lê Quang Duyệt	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
133	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2.2_4060420_1	001_2.2_4060420_	0604-01	Lê Xuân Lân	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
134	4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo	2.2_4060428_1	001_2.2_4060428_	0604-03	Hồ Quốc Hoa	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
135	4060436	Kỹ thuật khoan	2.2_4060436_1	001_2.2_4060436_	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
136	4060508	Công trình đường ống và bể chứa	2.2_4060508_1	001_2.2_4060508_	0605-04	Nguyễn Văn Thịnh	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
137	4060521	Thiết bị khai thác dầu khí 1	2.2_4060521_1	001_2.2_4060521_	0605-03	Lê Đức Vinh	1	30-07-2019	4	2	HNAD302	*
138	4070109	Kinh doanh quốc tế	2.2_4070109_1	001_2.2_4070109_	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	1	30-07-2019	4	2	HNAD204	*
139	4070110	Thông kê kinh tế doanh nghiệp	2.2_4070110_1	001_2.2_4070110_	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc	60	30-07-2019	4	2	HNAA208	
140	4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2.2_4070111_1	001_2.2_4070111_	0701-04	Trần Anh Dũng	9	30-07-2019	4	2	HNAD204	
141	4070216	Quản trị học	2.2_4070216_1	001_2.2_4070216_	0702-03	Đào Anh Tuấn	6	30-07-2019	4	2	HNAB206	
142	4070313	Kinh tế phát triển	2.2_4070313_1	001_2.2_4070313_	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	8	30-07-2019	4	2	HNAA408	
143	4070412	Kế toán máy	2.2_4070412_1	001_2.2_4070412_	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng	10	30-07-2019	4	2	HNAA304	*
144	4070414	Thị trường chứng khoán	2.2_4070414_1	001_2.2_4070414_	0704-05	Phí Thị Kim Thư	12	30-07-2019	4	2	HNAA304	
145	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	2.2_4080106_1	001_2.2_4080106_	0801-02	Dương Thị Hiền Thanh	83	30-07-2019	4	2	HNAD301	
146	4080609	Kế toán máy (tin kinh tế)	2.2_4080609_1	001_2.2_4080609_	0806-03	Nguyễn Thu Hằng	21	30-07-2019	4	2	HNAA308	
147	4080713	Lý thuyết mật mã + BTL	2.2_4080713_1	001_2.2_4080713_	0802-05	Đỗ Như Hải	5	30-07-2019	4	2	HNAA402	
148	4090152	Vận hành hệ thống điện	2.2_4090152_1	001_2.2_4090152_	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu	18	30-07-2019	4	2	HNAB505	
149	4090209	Điều khiển số	2.2_4090209_1	001_2.2_4090209_	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	28	30-07-2019	4	2	HNAB305	
150	4090214	Cơ sở truyền động điện	2.2_4090214_1	001_2.2_4090214_	0902-03	Phan Minh Tạo	7	30-07-2019	4	2	HNAB305	*
151	4090302	Kỹ thuật điện tử +TN	2.2_4090302_1	001_2.2_4090302_	0903-17	Tổng Ngọc Anh	14	30-07-2019	4	2	HNAA409	
152	4090403	Cơ học máy	2.2_4090403_1	001_2.2_4090403_	0904-12	Bùi Minh Hoàng	42	30-07-2019	4	2	HNAB506	
153	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2.2_4090418_1	001_2.2_4090418_	0904-03	Nguyễn Văn Lại	110	30-07-2019	4	2	HNAD401	
154	4100206	Kết cấu thép	2.2_4100206_1	001_2.2_4100206_	0303-15	Phạm Thị Nhân	17	30-07-2019	4	2	HNAB504	
155	4100231	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2.2_4100231_1	001_2.2_4100231_	1002-07	Đặng Văn Phi	9	30-07-2019	4	2	HNAB504	*
156	4100318	Cấp thoát nước trong công trình	2.2_4100318_1	001_2.2_4100318_	0405-04	Tạ Đức Thịnh	36	30-07-2019	4	2	HNAA305	
157	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai	2.2_4110110_1	001_2.2_4110110_	0402-01	Nguyễn Phương	1	30-07-2019	4	2	HNAB503	*
158	4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	2.2_4110208_1	001_2.2_4110208_	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	1	30-07-2019	4	2	HNAB503	*
159	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ	2.2_7020102_1	001_2.2_7020102_	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương	8	30-07-2019	4	2	HNAB503	
160	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ	2.2_7020103_1	001_2.2_7020103_	0201-06	Nguyễn Thị Nụ	40	30-07-2019	4	2	HNAB205	
161	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ	2.2_7020103_1	002_2.2_7020103_	0201-06	Nguyễn Thị Nụ	40	30-07-2019	4	2	HNAA203	
162	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ	2.2_7020103_1	003_2.2_7020103_	0201-06	Nguyễn Thị Nụ	89	30-07-2019	4	2	HNAD201	
163	7020104	Pháp luật đại cương	2.2_7020104_1	001_2.2_7020104_	0201-01	Đào Thị Tuyết	40	30-07-2019	4	2	HNAA205	
164	7020104	Pháp luật đại cương	2.2_7020104_1	002_2.2_7020104_	0201-01	Đào Thị Tuyết	40	30-07-2019	4	2	HNAB201	
165	7020104	Pháp luật đại cương	2.2_7020104_1	003_2.2_7020104_	0201-01	Đào Thị Tuyết	83	30-07-2019	4	2	HNAD101	
166	7090316	Lý thuyết mạch	2.2_7090316_1	001_2.2_7090316_	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh	42	30-07-2019	4	2	HNAA207	
167	4010104	Xác xuất thống kê	2.2_4010104_1	001_2.2_4010104_	0101-09	Nguyễn Thị Hằng	12	30-07-2019	7	2	HNAA203	
168	4010110	Toán tối ưu	2.2_4010110_1	001_2.2_4010110_	0101-03	Tô Văn Đình	6	30-07-2019	7	2	HNAA203	*

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
169	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	2.2_4010201_1	001_2.2_4010201_	0102-10	Dur Thị Xuân Thảo	46	30-07-2019	7	2	HNAA207	
170	4010309	Hoá hữu cơ phần 1	2.2_4010309_1	001_2.2_4010309_	0103-26	Nguyễn Thị Kim Thoa	27	30-07-2019	7	2	HNAA303	
171	4010614	Tiếng Anh 2	2.2_4010614_1	001_2.2_4010614_	0106-09	Đặng Thanh Mai	28	30-07-2019	7	2	HNAA405	
172	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng	2.2_4020301_2	001_2.2_4020301_	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	56	30-07-2019	7	2	HNAB506	
173	4030201	Mở vỉa và khai thác than hầm lò	2.2_4030201_1	001_2.2_4030201_	0302-12	Phạm Đức Hưng	7	30-07-2019	7	2	HNAD302	
174	4040408	Khoáng tướng + TH	2.2_4040408_1	001_2.2_4040408_	0404-07	Hoàng Thị Thoa	4	30-07-2019	7	2	HNAD302	*
175	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển	2.2_4060412_1	001_2.2_4060412_	0604-04	Vũ Thiết Thạch	7	30-07-2019	7	2	HNAA307	
176	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	2.2_4060419_1	001_2.2_4060419_	0604-07	Lê Quang Duyên	1	30-07-2019	7	2	HNAA307	*
177	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh	2.2_4070309_1	001_2.2_4070309_	0702-04	Nguyễn Thị Hoài Nga	2	30-07-2019	7	2	HNAA307	*
178	4070401	Nguyên lý kế toán	2.2_4070401_1	001_2.2_4070401_	0704-07	Nguyễn Thị Huyền	118	30-07-2019	7	2	HNAD101	
179	4080206	Cơ sở dữ liệu	2.2_4080206_1	001_2.2_4080206_	0802-07	Bùi Thị Vân Anh	90	30-07-2019	7	2	HNAD401	
180	4080621	Thương mại điện tử	2.2_4080621_1	001_2.2_4080621_	0806-01	Lê Thanh Huệ	12	30-07-2019	7	2	HNAD303	
181	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	2.2_4090206_1	001_2.2_4090206_	0902-07	Đặng Văn Chí	13	30-07-2019	7	2	HNAA409	*
182	4090215	Các phần tử tự động + TH	2.2_4090215_1	001_2.2_4090215_	0902-19	Nguyễn Thế Lực	10	30-07-2019	7	2	HNAA409	
183	4090224	Phương pháp lập trình CNC	2.2_4090224_1	001_2.2_4090224_	0902-12	Uông Quang Tuyền	7	30-07-2019	7	2	HNAA409	*
184	4090306	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 +TN	2.2_4090306_1	001_2.2_4090306_	0903-06	Kim Ngọc Linh	10	30-07-2019	7	2	HNAA205	
185	4090413	Thủy lực cơ sở B	2.2_4090413_1	001_2.2_4090413_	0904-03	Nguyễn Văn Lại	15	30-07-2019	7	2	HNAA308	
186	4090514	Truyền động thủy khí	2.2_4090514_1	001_2.2_4090514_	0905-11	Vũ Ngọc Trà	13	30-07-2019	7	2	HNAB504	
187	4090539	Máy thủy khí	2.2_4090539_1	001_2.2_4090539_	0905-01	Vũ Nam Ngạn	8	30-07-2019	7	2	HNAB504	*
188	4100101	Các phương pháp số	2.2_4100101_1	001_2.2_4100101_	0303-21	Vũ Minh Ngạn	4	30-07-2019	7	2	HNAB201	*
189	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân	2.2_4100150_1	001_2.2_4100150_	0303-07	Đỗ Ngọc Anh	3	30-07-2019	7	2	HNAB201	*
190	4100201	Vật liệu xây dựng	2.2_4100201_1	001_2.2_4100201_	0303-25	Hoàng Đình Phúc	7	30-07-2019	7	2	HNAB201	
191	7010111	Phương pháp tính	2.2_7010111_1	001_2.2_7010111_	0101-09	Đào Xuân Hưng	40	30-07-2019	7	2	HNAB205	
192	7010111	Phương pháp tính	2.2_7010111_1	002_2.2_7010111_	0101-09	Đào Xuân Hưng	105	30-07-2019	7	2	HNAD201	
193	7010303	Hóa đại cương phần 2	2.2_7010303_1	001_2.2_7010303_	0103-18	Lê Thị Phương Thảo	6	30-07-2019	7	2	HNAD204	
194	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	2.2_7010403_1	001_2.2_7010403_	0104-07	Phạm Thị Mai Anh	3	30-07-2019	7	2	HNAD204	*
195	7010505	Cơ lý thuyết 1	2.2_7010505_1	001_2.2_7010505_	0105-09	Đinh Công Đạt	45	30-07-2019	7	2	HNAD402	
196	7010601	Tiếng Anh 1	2.2_7010601_1	001_2.2_7010601_	0106-07	Cao Xuân Hiền	59	30-07-2019	7	2	HNAA208	
197	7040106	Địa chất cơ sở	2.2_7040106_1	001_2.2_7040106_	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp	6	30-07-2019	7	2	HNAD203	
198	7060323	Hóa Hữu cơ 1	2.2_7060323_1	001_2.2_7060323_	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	5	30-07-2019	7	2	HNAD203	*
199	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	2.2_7300101_1	001_2.2_7300101_	3001	Chính trị	1	30-07-2019	7	2	HNAD203	*
200	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản	2.2_4000001_1	001_2.2_4000001_	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương	4	30-07-2019	9	2	HNAB305	*
201	4010111	Toán rời rạc	2.2_4010111_1	001_2.2_4010111_	0101-25	Hoàng Ngự Huân	14	30-07-2019	9	2	HNAB305	*
202	4010114	Toán cao cấp 2	2.2_4010114_1	001_2.2_4010114_	0101-17	Phạm Tuấn Cường	24	30-07-2019	9	2	HNAB305	
203	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	2.2_4030503_1	001_2.2_4030503_	0305-04	Đinh Thị Thu Hà	108	30-07-2019	9	2	HNAD201	

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
204	4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA	2.2_4050402_1	001_2.2_4050402_	0504-06	Hoàng Thị Thùy	11	30-07-2019	9	2	HNAA203	
205	4060142	Địa vật lý đại cương	2.2_4060142_1	001_2.2_4060142_	0601-17	Trương Thị Chinh	19	30-07-2019	9	2	HNAA405	
206	4060303	Hoá hữu cơ 2 + TN	2.2_4060303_1	001_2.2_4060303_	0603-06	Phạm Xuân Núi	54	30-07-2019	9	2	HNAA208	
207	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	2.2_4060416_1	001_2.2_4060416_	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	1	30-07-2019	9	2	HNAA208	*
208	4070102	Kinh tế vĩ mô	2.2_4070102_1	001_2.2_4070102_	0701-08	Vũ Thị Hiền	18	30-07-2019	9	2	HNAA303	
209	4070303	Kinh tế công nghiệp	2.2_4070303_1	001_2.2_4070303_	0702-05	Đồng Thị Bích	32	30-07-2019	9	2	HNAA305	
210	4080110	Mã nguồn mở	2.2_4080110_1	001_2.2_4080110_	0805-08	Đặng Văn Nam	12	30-07-2019	9	2	HNAB205	*
211	4080122	Tiếng Anh chuyên ngành công	2.2_4080122_1	001_2.2_4080122_	0801-01	Đinh Bảo Ngọc	13	30-07-2019	9	2	HNAB205	
212	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho	2.2_4080201_1	001_2.2_4080201_	0802-07	Bùi Thị Vân Anh	15	30-07-2019	9	2	HNAB505	
213	4090204	Kỹ thuật lập trình tự động hóa	2.2_4090204_1	001_2.2_4090204_	0902-14	Đào Hiếu	82	30-07-2019	9	2	HNAD101	
214	4090251	Kỹ thuật Vi điều khiển	2.2_4090251_1	001_2.2_4090251_	0902-14	Đào Hiếu	16	30-07-2019	9	2	HNAD101	*
215	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2.2_4110114_1	001_2.2_4110114_	0402-12	Đỗ Văn Nhuận	45	30-07-2019	9	2	HNAB506	
216	7010110	Phương pháp tính	2.2_7010110_1	001_2.2_7010110_	0101-10	Đào Xuân Hưng	2	30-07-2019	9	2	HNAB501	*
217	7010402	Hình họa và vẽ kỹ thuật	2.2_7010402_1	001_2.2_7010402_	0104-05	Vũ Hữu Tuyên	19	30-07-2019	9	2	HNAB501	
218	4010304	Hoá vô cơ phần 2	2.2_4010304_1	001_2.2_4010304_	0103-18	Lê Thị Phương Thảo	7	30-07-2019	11	2	HNAD202	
219	4090225	Tin học công nghiệp + TH	2.2_4090225_1	001_2.2_4090225_	0902-12	Uông Quang Tuyền	16	30-07-2019	11	2	HNAD203	
220	4010102	Giải tích I	2.2_4010102_1	001_2.2_4010102_	0101-17	Phạm Tuấn Cường	2	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
221	4010113	Toán cao cấp 1	2.2_4010113_1	001_2.2_4010113_	0101-16	Hà Hữu Cao Trình	1	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
222	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	2.2_4010303_1	001_2.2_4010303_	0103-25	Nguyễn Viết Hùng	2	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
223	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2.2_4030114_1	001_2.2_4030114_	0301-16	Phạm Văn Việt	1	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
224	4030356	Cơ học đá	2.2_4030356_1	001_2.2_4030356_	0303-05	Ngô Doãn Hào	1	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
225	4030401	Chuẩn bị khoáng sản	2.2_4030401_1	001_2.2_4030401_	0304-07	Phạm Văn Luận	3	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
226	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL2	2.2_4030508_1	001_2.2_4030508_	0305-02	Đỗ Ngọc Tú	119	31-07-2019	2	2	HNAD301	
227	4040111	Địa chất môi trường	2.2_4040111_1	001_2.2_4040111_	0401-22	Vũ Anh Đạo	3	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
228	4040603	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	2.2_4040603_1	001_2.2_4040603_	0406-11	Trần Vũ Long	2	31-07-2019	2	2	HNAA308	*
229	4040636	Thoát nước công trình ngầm và	2.2_4040636_1	001_2.2_4040636_	0406-11	Trần Vũ Long	12	31-07-2019	2	2	HNAA308	
230	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2.2_4050102_1	001_2.2_4050102_	0501-10	Lê Đức Tình	1	31-07-2019	2	2	HNAB504	*
231	4050202	Xây dựng lưới trắc địa	2.2_4050202_1	001_2.2_4050202_	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm	9	31-07-2019	2	2	HNAB504	
232	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	2.2_4050301_1	001_2.2_4050301_	0503-17	Lê Thanh Nghị	5	31-07-2019	2	2	HNAB504	*
233	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	2.2_4050404_1	001_2.2_4050404_	0504-10	Lưu Anh Tuấn	4	31-07-2019	2	2	HNAB504	*
234	4050505	Hình học mô	2.2_4050505_1	001_2.2_4050505_	0505-04	Phạm Công Khải	5	31-07-2019	2	2	HNAB504	*
235	4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	2.2_4050813_1	001_2.2_4050813_	0503-07	Trần Hồng Hạnh	1	31-07-2019	2	2	HNAB504	*
236	4060115	Thăm dò phóng xạ	2.2_4060115_1	001_2.2_4060115_	0601-13	Dương Văn Hào	2	31-07-2019	2	2	HNAD402	*
237	4060210	Vật lý via dầu khí + TH	2.2_4060210_1	001_2.2_4060210_	0602-12	Bùi Thị Ngân	4	31-07-2019	2	2	HNAD402	*
238	4060306	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	2.2_4060306_1	001_2.2_4060306_	0603-11	Công Ngọc Thắng	43	31-07-2019	2	2	HNAD402	

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
239	4060338	Hóa học dầu mỏ	2.2_4060338_1	001_2.2_4060338_	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	4	31-07-2019	2	2	HNAD402	*
240	4060442	Khoan thăm dò khoáng sản rắn	2.2_4060442_1	001_2.2_4060442_	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	1	31-07-2019	2	2	HNAD402	*
241	4070104	Nguyên lý thống kê	2.2_4070104_1	001_2.2_4070104_	0701-06	Nguyễn Thanh Thảo	40	31-07-2019	2	2	HNAB205	
242	4070104	Nguyên lý thống kê	2.2_4070104_1	002_2.2_4070104_	0701-06	Nguyễn Thanh Thảo	92	31-07-2019	2	2	HNAD201	
243	4070203	Quản trị học	2.2_4070203_1	001_2.2_4070203_	0703-07	Lê Minh Thống	10	31-07-2019	2	2	HNAB505	
244	4070305	Kinh tế môi trường	2.2_4070305_1	001_2.2_4070305_	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	39	31-07-2019	2	2	HNAA305	
245	4080204	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2.2_4080204_1	001_2.2_4080204_	0802-03	Dương Chí Thiện	40	31-07-2019	2	2	HNAA203	
246	4080204	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2.2_4080204_1	002_2.2_4080204_	0802-03	Dương Chí Thiện	40	31-07-2019	2	2	HNAB203	
247	4080204	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2.2_4080204_1	003_2.2_4080204_	0802-03	Dương Chí Thiện	39	31-07-2019	2	2	HNAA204	
248	4080604	Phát triển ứng dụng tin học trong	2.2_4080604_1	001_2.2_4080604_	0806-05	Phạm Thị Nguyệt	2	31-07-2019	2	2	HNAB207	*
249	4080730	Xử lý tín hiệu số	2.2_4080730_1	001_2.2_4080730_	0801-15	Phạm Đình Tân	2	31-07-2019	2	2	HNAB207	*
250	4090125	Nhà máy điện	2.2_4090125_1	001_2.2_4090125_	0901-04	Lê Xuân Thành	5	31-07-2019	2	2	HNAB207	
251	4090239	Kỹ thuật vi xử lý	2.2_4090239_1	001_2.2_4090239_	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	36	31-07-2019	2	2	HNAB305	
252	4090309	Điện tử tương tự và số +TN	2.2_4090309_1	001_2.2_4090309_	0903-15	Hà Thị Chúc	44	31-07-2019	2	2	HNAA207	
253	4090401	Nguyên lý máy + BTL	2.2_4090401_1	001_2.2_4090401_	0904-13	Nguyễn Duy Chinh	54	31-07-2019	2	2	HNAB506	
254	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	2.2_4090402_1	001_2.2_4090402_	0904-05	Nguyễn Duy Chinh	15	31-07-2019	2	2	HNAA303	
255	4090414	Kỹ thuật nhiệt A	2.2_4090414_1	001_2.2_4090414_	0904-05	Phạm Thị Thủy	27	31-07-2019	2	2	HNAA405	
256	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2.2_4090415_1	001_2.2_4090415_	0904-07	Nguyễn Sơn Tùng	40	31-07-2019	2	2	HNAA206	
257	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2.2_4090415_1	002_2.2_4090415_	0904-07	Nguyễn Sơn Tùng	41	31-07-2019	2	2	HNAA208	
258	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công	2.2_4110104_1	001_2.2_4110104_	0407-06	Nguyễn Văn Bình	1	31-07-2019	2	2	HNAA208	*
259	4110301	Quản lý chất thải rắn	2.2_4110301_1	001_2.2_4110301_	1103-07	Nguyễn Thị Hồng	2	31-07-2019	2	2	HNAA208	*
260	7010103	Giải tích I	2.2_7010103_1	001_2.2_7010103_	0101-17	Phạm Tuấn Cường	4	31-07-2019	2	2	HNAA208	*
261	7010204	Vật lý đại cương I	2.2_7010204_1	001_2.2_7010204_	0102-01	Đào Việt Thắng	40	31-07-2019	2	2	HNAB202	
262	7010204	Vật lý đại cương I	2.2_7010204_1	002_2.2_7010204_	0102-01	Đào Việt Thắng	40	31-07-2019	2	2	HNAB206	
263	7010204	Vật lý đại cương I	2.2_7010204_1	003_2.2_7010204_	0102-01	Đào Việt Thắng	88	31-07-2019	2	2	HNAD401	
264	7010504	Cơ lý thuyết	2.2_7010504_1	001_2.2_7010504_	0105-07	Bùi Thị Thủy	32	31-07-2019	2	2	HNAB501	
265	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.2_7020201_1	001_2.2_7020201_	0202-01	Nguyễn Văn Sơn	40	31-07-2019	2	2	HNAA205	
266	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.2_7020201_1	002_2.2_7020201_	0202-01	Nguyễn Văn Sơn	40	31-07-2019	2	2	HNAB201	
267	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.2_7020201_1	003_2.2_7020201_	0202-01	Nguyễn Văn Sơn	100	31-07-2019	2	2	HNAD101	
268	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc	2.2_4000005_1	001_2.2_4000005_	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	7	31-07-2019	4	2	HNAA205	
269	4010106	Phương pháp tính	2.2_4010106_1	001_2.2_4010106_	0101-25	Hoàng Ngự Huân	104	31-07-2019	4	2	HNAD101	
270	4010301	Hóa học đại cương phần I + TN	2.2_4010301_1	001_2.2_4010301_	0103-08	Nguyễn Mạnh Hà	4	31-07-2019	4	2	HNAA303	*
271	4010305	Hóa phân tích phần I+ TN	2.2_4010305_1	001_2.2_4010305_	0103-21	Lê Thị Vinh	16	31-07-2019	4	2	HNAA303	
272	4010501	Cơ học lý thuyết I	2.2_4010501_1	001_2.2_4010501_	0105-03	Trần Thị Trâm	7	31-07-2019	4	2	HNAA409	
273	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa	2.2_4020102_1	001_2.2_4020102_	0201-06	Ngô Văn Hường	12	31-07-2019	4	2	HNAB504	

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
274	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa	2.2_4040204_1	001_2.2_4040204_	0402-11	Đỗ Mạnh An	3	31-07-2019	4	2	HNAB504	*
275	4050302	Cơ sở viễn thám	2.2_4050302_1	001_2.2_4050302_	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa	1	31-07-2019	4	2	HNAB504	*
276	4060103	Thăm dò điện l	2.2_4060103_1	001_2.2_4060103_	0601-07	Kiều Duy Thông	14	31-07-2019	4	2	HNAA308	
277	4060205	Địa hoá dầu khí	2.2_4060205_1	001_2.2_4060205_	0602-05	Nguyễn Thị Minh	3	31-07-2019	4	2	HNAA308	*
278	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2.2_4060402_1	001_2.2_4060402_	0604-09	Doãn Thị Trâm	20	31-07-2019	4	2	HNAA405	
279	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	2.2_4060417_1	001_2.2_4060417_	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	1	31-07-2019	4	2	HNAA405	*
280	4070103	Kinh tế lượng	2.2_4070103_1	001_2.2_4070103_	0701-08	Vũ Thị Hiền	28	31-07-2019	4	2	HNAA305	
281	4070302	Quản trị nhân lực	2.2_4070302_1	001_2.2_4070302_	0703-03	Nguyễn Thanh Thủy	26	31-07-2019	4	2	HNAB305	
282	4070411	Tài chính tiền tệ	2.2_4070411_1	001_2.2_4070411_	0704-12	Lê Thị Thu Hồng	6	31-07-2019	4	2	HNAA304	
283	4080203	Cơ sở lập trình	2.2_4080203_1	001_2.2_4080203_	0802-04	Tạ Quang Chiêu	7	31-07-2019	4	2	HNAD303	
284	4090107	An toàn điện	2.2_4090107_1	001_2.2_4090107_	0901-10	Hồ Việt Bun	22	31-07-2019	4	2	HNAB501	
285	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	2.2_4100204_1	001_2.2_4100204_	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh	7	31-07-2019	4	2	HNAA203	
286	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2.2_4300112_1	001_2.2_4300112_	3001-05	Hoàng Xuân Trường	41	31-07-2019	4	2	HNAA208	
287	7010120	Xác suất thống kê	2.2_7010120_1	001_2.2_7010120_	0101-16	Hà Hữu Cao Trình	40	31-07-2019	4	2	HNAB205	
288	7010120	Xác suất thống kê	2.2_7010120_1	002_2.2_7010120_	0101-16	Hà Hữu Cao Trình	89	31-07-2019	4	2	HNAD201	
289	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	2.2_7010304_1	001_2.2_7010304_	0103-07	Nguyễn Đình Độ	13	31-07-2019	4	2	HNAB505	
290	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	2.2_4010406_1	001_2.2_4010406_	0104-01	Hoàng Văn Tài	13	31-07-2019	7	2	HNAA308	
291	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2.2_4010502_1	001_2.2_4010502_	0105-01	Bùi Thị Thủy	98	31-07-2019	7	2	HNAD201	
292	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2.2_4030222_1	001_2.2_4030222_	0302-24	Vũ Thái Tiên Dũng	12	31-07-2019	7	2	HNAB505	
293	4040402	Các mỏ khoáng kim loại + TH	2.2_4040402_1	001_2.2_4040402_	0404-07	Hoàng Thị Thoa	1	31-07-2019	7	2	HNAB505	*
294	4050509	Kỹ thuật môi trường	2.2_4050509_1	001_2.2_4050509_	0505-05	Cao Xuân Cường	4	31-07-2019	7	2	HNAB505	*
295	4060304	Công nghệ sinh học đại cương	2.2_4060304_1	001_2.2_4060304_	0603-08	Nguyễn Thị Linh	3	31-07-2019	7	2	HNAB505	*
296	4060327	Động học và nhiệt động học trong	2.2_4060327_1	001_2.2_4060327_	0603-05	Công Ngọc Thắng	33	31-07-2019	7	2	HNAA305	
297	4060408	Công nghệ khai thác dầu khí 2	2.2_4060408_1	001_2.2_4060408_	0604-04	Vũ Thiết Thạch	1	31-07-2019	7	2	HNAB501	*
298	4060515	Tin học ứng dụng trong thiết bị	2.2_4060515_1	001_2.2_4060515_	0605-05	Nguyễn Phùng Hưng	14	31-07-2019	7	2	HNAB501	
299	4070107	Luật kinh tế	2.2_4070107_1	001_2.2_4070107_	0701-05	Nguyễn Thị Ngọc Anh	8	31-07-2019	7	2	HNAB504	
300	4090130	Lưới điện l	2.2_4090130_1	001_2.2_4090130_	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu	23	31-07-2019	7	2	HNAB305	
301	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	2.2_4090219_1	001_2.2_4090219_	0902-15	Thái Hải Âu	13	31-07-2019	7	2	HNAA303	
302	4090307	Lý thuyết mạch điện - điện tử	2.2_4090307_1	001_2.2_4090307_	0903-06	Kim Ngọc Linh	14	31-07-2019	7	2	HNAA405	
303	4110236	Môi trường và con người	2.2_4110236_1	001_2.2_4110236_	0408-06	Đỗ Cao Cường	47	31-07-2019	7	2	HNAB506	
304	7010602	Tiếng Anh 2	2.2_7010602_1	001_2.2_7010602_	0106-09	Đặng Thanh Mai	54	31-07-2019	7	2	HNAA208	
305	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2.2_4000004_1	001_2.2_4000004_	0201-10	Nguyễn Thị Phương	11	31-07-2019	9	2	HNAB305	
306	4010105	Xác suất thống kê	2.2_4010105_1	001_2.2_4010105_	0101-04	Nguyễn Thu Hằng	73	31-07-2019	9	2	HNAD201	
307	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	2.2_4010202_1	001_2.2_4010202_	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải	10	31-07-2019	9	2	HNAB501	
308	4010613	Tiếng Anh 1	2.2_4010613_1	001_2.2_4010613_	0106-07	Cao Xuân Hiền	59	31-07-2019	9	2	HNAA208	

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Ghi chú
309	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2.2_4030225_1	001_2.2_4030225_	0302-19	Nguyễn Hồng Cường	3	31-07-2019	9	2	HNAA303	*
310	4060316	Hoá học các hợp chất polyme	2.2_4060316_1	001_2.2_4060316_	0000-03	Nguyễn Thiên Vương	4	31-07-2019	9	2	HNAA303	*
311	4060346	Nhiên liệu sạch	2.2_4060346_1	001_2.2_4060346_	0603-09	Phạm Xuân Núi	8	31-07-2019	9	2	HNAA303	
312	4070205	Marketing căn bản	2.2_4070205_1	001_2.2_4070205_	0702-04	Nguyễn Thị Hoài Nga	13	31-07-2019	9	2	HNAA305	
313	4090201	Tín hiệu và hệ thống	2.2_4090201_1	001_2.2_4090201_	0902-09	Phạm Minh Hải	9	31-07-2019	9	2	HNAA405	
314	4010403	Autocad + TH	2.2_4010403_1	001_2.2_4010403_	0104-01	Đỗ Việt Anh	56	01-08-2019	2	2	HNAA208	
315	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa	2.2_4020101_1	001_2.2_4020101_	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương	6	01-08-2019	2	2	HNAA303	
316	4040201	Phương pháp tìm kiếm mỏ khoáng	2.2_4040201_1	001_2.2_4040201_	0402-08	Khương Thế Hùng	1	01-08-2019	2	2	HNAA303	*
317	4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	2.2_4040205_1	001_2.2_4040205_	0402-15	Bùi Thanh Tịnh	1	01-08-2019	2	2	HNAA303	*
318	4060318	Công nghệ lọc dầu	2.2_4060318_1	001_2.2_4060318_	0603-04	Ngô Thanh Hải	18	01-08-2019	2	2	HNAB501	
319	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2.2_4090126_1	001_2.2_4090126_	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	35	01-08-2019	2	2	HNAB305	
320	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2.2_4100227_1	001_2.2_4100227_	0303-35	Nguyễn Xuân Mãn	10	01-08-2019	2	2	HNAA405	
321	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	2.2_4300111_1	001_2.2_4300111_	3001-01	Hoàng Xuân Trường	37	01-08-2019	2	2	HNAA305	
322	4010402	Vẽ kỹ thuật	2.2_4010402_1	001_2.2_4010402_	0104-04	Đỗ Việt Anh	52	01-08-2019	4	2	HNAB506	
323	4030103	Quy trình công nghệ và thiết kế	2.2_4030103_1	001_2.2_4030103_	0301-06	Lê Thị Thu Hoa	3	01-08-2019	4	2	HNAB305	*
324	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2.2_4030514_1	001_2.2_4030514_	0305-05	Nguyễn Như Hùng	22	01-08-2019	4	2	HNAB305	
325	4040404	Các mỏ nhiên liệu	2.2_4040404_1	001_2.2_4040404_	0407-08	Phạm Thị Thanh Hiền	1	01-08-2019	4	2	HNAB305	*
326	4060319	Tiếng Anh chuyên ngành	2.2_4060319_1	001_2.2_4060319_	0603-11	Bùi Thị Lệ Thủy	32	01-08-2019	4	2	HNAA305	
327	4090218	Thiết kế hệ thống điều khiển tự	2.2_4090218_1	001_2.2_4090218_	0902-03	Phan Minh Tạo	52	01-08-2019	4	2	HNAA208	

Lưu ý:

- Tổ chức thi theo Quy chế đào tạo và Quy trình khảo thí;
- Sinh viên xem lịch thi và dùng MSSV kiểm tra lịch thi của mình trên website của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD hoặc website của Phòng ĐTDH để dự thi đúng theo lịch thi;
- Sinh viên mang theo thẻ sinh viên/CMND, có mặt tại phòng thi 15 phút trước giờ thi.
- Tổ chức làm phách; chấm thi tập trung và báo điểm theo Quy trình khảo thí.
- *** Phòng thi có ít sinh viên, nhờ đồng nghiệp coi thi giúp; ** Sinh viên chủ động liên hệ để Bộ môn bố trí cho thi.**
- **Không xếp lịch thi đối với các học phần chưa đăng ký khảo thí nếu có số SV đăng ký thi lần 2 < 10. SV chủ động liên hệ với giảng viên để xin thi và được báo điểm sớm theo quy định.**

Hà Nội, ngày 26/7/2019

TL. Hiệu trưởng

Phụ trách phòng

(đã ký)

TS. Phạm Văn Tuấn